

UBND HUYỆN CỬ CHI
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1129/TCKH

Củ Chi, ngày tháng năm 2016

V/v thực hiện báo cáo tình hình, kết quả
thực hiện thực hành tiết kiệm, chống
lãng phí năm 2016

Kính gửi: **Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện.**

Để kịp thời tổng hợp báo cáo Sở Tài chính Thành phố theo định kỳ, Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện đề nghị thủ trưởng các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện quan tâm chỉ đạo bộ phận kế toán đơn vị thực hiện tình hình, kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 (theo biểu mẫu đính kèm).

Thời gian gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch: **Chậm nhất ngày 30/12/2016.**

(Lưu ý: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tổng hợp báo cáo số liệu của các đơn vị sự nghiệp Giáo dục)

Rất mong sự phối hợp chỉ đạo thực hiện của thủ trưởng các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - TT. UBND huyện;
 - Đ/c Hoài Phú-CT.UBND huyện;
 - Lưu.
- (thay
b/cáo)

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Vương Thị Cẩm Lệ

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2016

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4(%)	7
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ					
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành					
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp					
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn					
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý					
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị, thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)					
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)					
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN					
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, sai định mức	triệu đồng				
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chỉ thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của chính phủ	triệu đồng				

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
1.3	Số tiền vi phạm xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng				
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng				
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN					
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>				
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng				
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng				
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng				
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>				

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>				
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>triệu đồng</i>				
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế chi khoán, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng				
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng				
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng				
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng				
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng				
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ					
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị				
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã được phát hiện được	đơn vị				
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng				
4	Các nội dung khác					
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước					
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)					
1,1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc				
1,2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc				
1,3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc				
1,4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc				
1,5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng				
2	Tài sản khác					

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
2,1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản				
2,2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản				
2,3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng				
IV	Trong đầu tư, xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng					
1	Trong đầu tư, xây dựng					
1,1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án				
1,2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng				
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	triệu đồng				
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng				
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng				
1,3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng				
1,4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án				
1,5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ					
	Số lượng	dự án				
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng				
2	Trụ sở làm việc					
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2				
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2				
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2				
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế	m2				
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2				

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng				
3	Nhà công vụ					
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2				
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2				
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2				
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2				
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2				
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng				
4	Các nội dung khác					
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên					
1	Quản lý, sử dụng đất					
1.1	Diện tích sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2				
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2				
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
1.4	Các nội dung khác					
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác					
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được					
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án				

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án phê duyệt	triệu đồng				
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt					
4	Các nội dung khác					
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước					
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ				
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
3	Các nội dung khác					
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp					
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh					
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng				
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng				
	Tiết kiệm điện	Kw/h				
	Tiết kiệm xăng dầu	Tấn (lít)				
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng				
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng				
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng				
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng				
2	Quản lý đầu tư xây dựng					
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án				
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án				
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được					
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng				
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng				
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng				
	Thâm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng				
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn					

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án				
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng				
2.5	Các nội dung khác					
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN					
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng				
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng				
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng				
4	Mua sắm tài sản, phương tiện					
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con					
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc				
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc				
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng				
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc				
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng				
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ					
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc				
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng				
5	Nợ phải thu khó đòi					
	Số đầu kỳ	triệu đồng				
	Số cuối kỳ	triệu đồng				
6	Vốn chủ sở hữu					
	Số đầu kỳ	triệu đồng				
	Số cuối kỳ	triệu đồng				
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân					
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK,	lượt hộ				
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	vụ				
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP					

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước (năm 2015)	Kết quả năm báo cáo (năm 2016)	So sánh với năm trước	Ghi chú
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc				
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc				
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	đơn vị				
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về thực hành TL, CLP được phát hiện	đơn vị				
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng				
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng				

Người lập biểu

TRƯỞNG PHÒNG